

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				30%	0%	0%	0%	0%	20%	0%	50%			
1	161325368	LÊ TỰ HƯNG	K16KMT	0					10		8	6.0	Sáu	
2	161325649	HÀ THỊ HOÀI THANH	K16KMT	3					4		10	6.7	Sáu phẩy Bảy	
3	161327336	BÙI LÊ MINH THUỶ	K16KMT	10					2		4	5.4	Năm phẩy Bốn	
4	162143145	V? TH Ị ÁI VÂN	K16KMT	10					8		8	8.6	Tám phẩy Sáu	
5	162253647	ĐOÀN NHƯ DIỆP	K16KMT	3					4		4	3.7	Ba phẩy Bảy	
6	162253653	NGUYỄN VĂN KHÁNH	K16KMT	10					8		4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
7	162253654	PHÙNG TÙNG LÂM	K16KMT	10					10		6	8.0	Tám	
8	162253656	HỒ THỊ NGỌC MỸ	K16KMT	10					2		4	5.4	Năm phẩy Bốn	
9	162253658	CA THỊ HỒNG NHÂN	K16KMT	10					8		4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
10	162253661	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	K16KMT	7					4		2	0.0	Không	
11	162253663	HUỶNH BÁ SƠN	K16KMT	7					6		4	5.3	Năm phẩy Ba	
12	162253664	ĐẶNG ANH TÀI	K16KMT	0					4		8	4.8	Bốn phẩy Tám	
13	162253666	HUỶNH THỊ THUỶ	K16KMT	0					6		6	4.2	Bốn phẩy Hai	
14	162253669	BÙI THỊ HẢI YẾN	K16KMT	10					8		6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
15	162256511	NGUYỄN VŨ ANH PHƯƠNG	K16KMT	10					4		4	5.8	Năm phẩy Tám	
16	162256512	BẠCH MAI SƠN	K16KMT	0					8		6	4.6	Bốn phẩy Sáu	
17	162256711	TRẦN ANH PHI	K16KMT	0					6		8	5.2	Năm phẩy Hai	
18	162256771	NGUYỄN ĐỨC ĐỘ	K16KMT	10					10		4	7.0	Bảy	
19	162256772	LÊ QUỐC DŨNG	K16KMT	3					8		8	6.5	Sáu phẩy Năm	
20	162256773	NGUYỄN THỊ ĐOAN PHƯƠNG	K16KMT	10					8		4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
21	162256774	ĐOÀN PHẠM NGỌC RIN	K16KMT	0					4		0	0.0	Không	
22	162256836	V? TR ẦN NGỌC ANH	K16KMT	0					0		HP	0.0	Không	NỢ HP
23	162256837	NGUYỄN HOÀNG PHI	K16KMT	10					8		4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
24	162256838	HOÀNG ANH TÚ	K16KMT	0					0		HP	0.0	Không	NỢ HP
25	162256877	NGUYỄN TRẦN ĐẠT	K16KMT	0					4		8	4.8	Bốn phẩy Tám	
26	162256878	NGUYỄN THỊ THI	K16KMT	7					10		8	8.1	Tám phẩy Một	
27	162256928	NGUYỄN THẾ CHÂU	K16KMT	8					6		4	5.6	Năm phẩy Sáu	
28	162257008	TRẦN THỊ HỒNG THOA	K16KMT	10					8		8	8.6	Tám phẩy Sáu	
29	162257055	TRẦN THỊ HUỶNH TÂM	K16KMT	7					6		6	6.3	Sáu phẩy Ba	
30	162257056	ĐẶNG THỊ CẨM TIÊN	K16KMT	10					4		4	5.8	Năm phẩy Tám	
31	162257089	BÙI VĂN QUÍ	K16KMT	7					10		8	8.1	Tám phẩy Một	
32	162257091	HUỶNH NGỌC SÂM	K16KMT	0					10		4	4.0	Bốn	
33	162257092	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	K16KMT	10					10		4	7.0	Bảy	
34	162257176	LÊ THỊ NHIỀU	K16KMT	0					8		2	0.0	Không	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				30%	0%	0%	0%	0%	20%	0%	50%				
35	162257260	HUỖNH THỊ KIM	PHU?NG	K16KMT	0					0		HP	0.0	Không	NỢ HP
36	162257261	NGUYỄN VĂN	QUANG	K16KMT	7					10		4	6.1	Sáu phẩy Một	
37	162257262	LÊ HOÀI	THU?NG	K16KMT	0					8		4	3.6	Ba phẩy Sáu	
38	162257351	LÊ THỊ PHU?NG	DUNG	K16KMT	7					8		2	0.0	Không	
39	162257352	LÊ KHẮC HÀ	GIANG	K16KMT	3					4		6	4.7	Bốn phẩy Bảy	
40	162257353	ĐINH HẠNH	NGUYỄN	K16KMT	10					8		8	8.6	Tám phẩy Sáu	
41	162257425	NGUYỄN PHI	KHOA	K16KMT	0					8		4	3.6	Ba phẩy Sáu	
42	162257426	LÊ HOÀNG ANH	TUẦN	K16KMT	7					8		2	0.0	Không	
43	162257497	TRẦN Đ?NH	ANH	K16KMT	0					0		HP	0.0	Không	NỢ HP
44	162257498	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	K16KMT	3					8		4	4.5	Bốn phẩy Năm	
45	162257499	V? THỊ HOÀI	UYỄN	K16KMT	10					6		6	7.2	Bảy phẩy Hai	

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THÔNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	33	73%	
2	Số sinh viên nợ	12	27%	
TỔNG CỘNG :		45	100%	

Đà Nẵng, 08/11/2011

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(K? và ghi r? họ tên)

(K? và ghi r? họ tên)

V? QU ỐC TOÀN

NGUYỄN THỊ HỒNG THU

LÊ ĐỨC TRỌNG

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ